

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Quyết định số 142/QĐ-TTg, ngày 02 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030

Thực hiện Kế hoạch số 872/KH-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc triển khai thực hiện Quyết định số 142/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030; Ủy ban nhân dân huyện ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 142/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn huyện, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa và triển khai thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ của Quyết định số 142/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của địa phương; phù hợp với tình hình, điều kiện thực tế của huyện.

- Lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm; phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị và xã hội tham gia thu thập, xây dựng, phát triển, khai thác, sử dụng và làm giàu dữ liệu. Nhà nước đóng vai trò dẫn dắt, tiên phong kết nối, chia sẻ dữ liệu.

- Phát triển đội ngũ nhân lực trong lĩnh vực dữ liệu, xử lý dữ liệu số, ứng dụng các công nghệ tiên tiến, hiện đại trong thu thập, phân tích, xử lý dữ liệu để thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực dữ liệu.

2. Yêu cầu

- Các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước trên địa bàn huyện phải đổi mới phương thức chỉ đạo, điều hành; xây dựng nền hành chính chủ động tương tác với người dân, doanh nghiệp dựa trên dữ liệu; chuyển đổi nhận thức từ tra cứu dữ liệu sang chia sẻ, tích hợp, tái sử dụng dữ liệu, từ sở hữu riêng dữ liệu sang chia sẻ dữ liệu sử dụng chung và cùng hưởng các lợi ích dữ liệu mang lại; việc kế thừa, chia sẻ, tích hợp, tái sử dụng và phát huy tối đa hiệu quả của dữ liệu là quyền, trách nhiệm của các cơ quan, ban, ngành, địa phương trên địa bàn huyện.

- Phát triển, sử dụng dữ liệu phải đi đôi với đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân. Khai thác, sử dụng dữ liệu phải đảm bảo nguyên tắc bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của người dân, doanh nghiệp và các chủ thể liên quan.

II. MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2030

1. Phát triển hạ tầng dữ liệu

a) Ứng dụng, kết nối Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh tạo thành một mạng lưới chia sẻ năng lực tính toán, xử lý dữ liệu lớn phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa của huyện.

b) Ứng dụng các nền tảng điện toán đám mây của tỉnh đảm bảo sẵn sàng đáp ứng 100% nhu cầu lưu trữ, thu thập, kết nối, chia sẻ dữ liệu, nhu cầu đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo mật thông tin theo cấp độ quy định của Luật An toàn thông tin mạng.

2. Phát triển dữ liệu phục vụ Chính phủ số, Chính quyền số

a) 100% các cơ sở dữ liệu trong danh mục cơ sở dữ liệu của tỉnh cần ưu tiên triển khai (*thuộc trách nhiệm thực hiện của địa phương*) hoàn thành việc số hóa, cập nhật và đưa vào sử dụng hiệu quả.

b) Các cơ sở dữ liệu dùng chung và chuyên ngành của các cơ quan, ban, ngành, địa phương (*ngoại trừ các cơ sở dữ liệu nghiệp vụ đặc thù*) được đáp ứng 100% yêu cầu kết nối, chia sẻ thông tin với nhau thông qua các nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của huyện.

c) 100% các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện cung cấp dữ liệu mở đảm bảo chất lượng và đưa vào khai thác sử dụng có hiệu quả, sẵn sàng hỗ trợ, phục vụ cho các hoạt động chỉ đạo điều hành, ban hành chính sách của cơ quan nhà nước và phục vụ phát triển các ứng dụng trí tuệ nhân tạo cho phát triển kinh tế số, xã hội số.

d) 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa; tối thiểu 80% dữ liệu về kết quả thực hiện các thủ tục hành chính được tái sử dụng, chia sẻ theo quy định (*ngoại trừ các cơ sở dữ liệu nghiệp vụ đặc thù*) đảm bảo người dân và doanh nghiệp chỉ phải cung cấp thông tin một lần khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thực hiện các thủ tục hành chính.

đ) Rà soát bổ sung tính năng tự động phân tích kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao dựa trên cơ sở dữ liệu sẵn có trên Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành của huyện; Tỷ lệ áp dụng dữ liệu trong phục vụ quản lý điều hành công việc trên môi trường số, trong kiểm tra, đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức đạt tối thiểu 70%.

e) Kết hợp khai thác sử dụng dữ liệu và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) đối với 100% thủ tục hành chính có đủ điều kiện cung cấp trực tuyến, nâng cao hiệu quả của bộ máy hành chính nhà nước và cung cấp dịch vụ công phục vụ người dân, doanh nghiệp.

3. Phát triển dữ liệu phục vụ kinh tế số, xã hội số

a) Ứng dụng các bộ dữ liệu ngành nông nghiệp của tỉnh gồm: dữ liệu đất đai, cây trồng, vật nuôi, thủy hải sản cho các vùng sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện phục vụ các hoạt động sản xuất nông nghiệp; hình thành dữ liệu của toàn bộ chuỗi quy trình sản xuất, kinh doanh, chế biến, quản lý giám sát nguồn

gốc, cung ứng các sản phẩm nông nghiệp quan trọng, đảm bảo việc cung cấp thông tin minh bạch, chính xác, đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử. 100% dữ liệu truy xuất nguồn gốc, xuất xứ được cung cấp kèm theo cho các sản phẩm OCOP của huyện đăng bán trên các sàn giao dịch thương mại điện tử.

b) Ứng dụng các bộ dữ liệu ngành công nghiệp, thương mại và năng lượng của tỉnh, bao gồm: dữ liệu về mạng lưới sản xuất, truyền tải, tiêu thụ điện phục vụ việc vận hành tối ưu hệ thống điện, hiện đại hóa hệ thống điều độ, vận hành, thông tin liên lạc, điều khiển và tự động hóa phục vụ điều độ lưới điện; dữ liệu trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, mạng lưới, chuỗi cung ứng sản xuất cơ bản trong các hoạt động công nghiệp từ nguyên liệu thô tới thành phẩm thương mại; dữ liệu về các trung tâm logistics, vận chuyển, kho bãi; dữ liệu về thị trường thương mại, hành vi tiêu dùng, nhu cầu quảng cáo của các nhãn hàng trên thị trường nhằm tối ưu hóa quá trình sản xuất, tiêu thụ hàng hóa của các đơn vị sản xuất, xây dựng các kênh phân phối hàng hóa hiệu quả và giám sát chặt chẽ nhu cầu thị trường,...

c) Hoàn thiện 100% cơ sở dữ liệu về bảo hiểm xã hội cho người lao động. Dữ liệu chuẩn hóa sổ lao động điện tử, tích hợp với dữ liệu về học tập suốt đời, dữ liệu về đào tạo nghề (*bao gồm cả đào tạo tại trường và đào tạo, tích lũy kinh nghiệm làm việc tại các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp*) của người lao động được triển khai, hoàn thiện cho 100% người lao động đóng bảo hiểm xã hội.

d) 100% các bộ dữ liệu mở về lực lượng, thị trường lao động việc làm, nhu cầu tuyển dụng lao động và yêu cầu trình độ, kỹ năng tương ứng được cung cấp và đảm bảo cập nhật chính xác, kịp thời, làm cơ sở triển khai các giải pháp dự báo nhu cầu, sự biến động về lao động, việc làm; người lao động có thể tiếp cận với dữ liệu về nhu cầu lao động, việc làm của xã hội và được tự động cung cấp gợi ý về danh sách việc làm phù hợp khi bị thất nghiệp.

đ) Kho học liệu về giáo trình, tài liệu giảng dạy, học tập ngành giáo dục được số hóa, tích hợp với các nền tảng dạy và học trực tuyến đảm bảo hỗ trợ được cho 100% người học và nhà giáo tham gia có hiệu quả các hoạt động giáo dục trực tuyến; đáp ứng yêu cầu về tài liệu học tập cho toàn bộ chương trình giáo dục phổ thông.

e) 100% dữ liệu không gian địa lý ngành Tài nguyên và Môi trường được số hóa, chuẩn hóa và liên thông, chia sẻ cho các cơ quan nhà nước... dưới dạng dịch vụ bản đồ và có thể chia sẻ cho các hệ thống thông tin của những lĩnh vực có sử dụng dịch vụ dữ liệu không gian địa lý kết nối, khai thác sử dụng.

f) 100% dữ liệu giám sát, quan trắc tự động việc xả thải của các khu công nghiệp, các điểm nóng về ô nhiễm môi trường được đảm bảo đáp ứng nhu cầu kết nối về trung tâm giám sát tập trung của ngành Tài nguyên và Môi trường theo thời gian thực, phục vụ việc phân tích đưa ra các cảnh báo khi có nguy cơ về sự cố môi trường.

g) 100% dữ liệu về hạ tầng giao thông công cộng và phương tiện giao thông, dữ liệu về kho, bãi được số hóa, cập nhật kịp thời, hỗ trợ giải quyết tốt

những vấn đề khó khăn, vướng mắc của ngành giao thông và đáp ứng được nhu cầu xây dựng chuỗi cung ứng giao nhận - kho vận và logistics.

h) 95% các dữ liệu về y tế phù hợp với định hướng phân cấp quản lý để phát triển, hoàn thiện cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành y tế.

4. Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng: 100% các cơ sở dữ liệu dùng chung, chuyên ngành và cơ sở dữ liệu quan trọng của các ngành, địa phương được triển khai phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ và mô hình bảo vệ 4 lớp, đồng thời triển khai các hoạt động bảo vệ an ninh mạng đối với hệ thống thông tin theo quy định của pháp luật về an ninh mạng.

III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ PHÂN CÔNG THỰC HIỆN

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

IV. GIẢI PHÁP

1. Tổ chức bộ máy, mạng lưới: Các cơ quan, ban, ngành thuộc huyện và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn phân công một lãnh đạo phụ trách về dữ liệu, chịu trách nhiệm tổ chức và điều hành hoạt động về phát triển dữ liệu tại cơ quan, đơn vị, địa phương. Phân công cán bộ, công chức, viên chức làm đầu mối theo dõi, tham mưu thực hiện nhiệm vụ phát triển hạ tầng dữ liệu, phát triển dữ liệu.

2. Bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng

- Phối hợp bồi dưỡng kỹ năng đại trà cho người dân kiến thức cơ bản về sử dụng và quản lý dữ liệu cá nhân, bảo vệ dữ liệu thông qua các khóa học trực tuyến đại chúng mở (MOOCs).

- Tăng cường bồi dưỡng kiến thức, năng lực cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức phụ trách về dữ liệu của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Tham gia các lớp tập huấn, phổ biến, diễn tập thường niên về đảm bảo an toàn dữ liệu, an ninh thông tin, bảo vệ hạ tầng dữ liệu do tỉnh tổ chức.

3. Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực

- Triển khai thực hiện các đề án về đào tạo và phát triển nguồn nhân lực dữ liệu số trên địa bàn huyện.

- Tham gia các khóa thực tập về khoa học dữ liệu cho cán bộ phụ trách về dữ liệu của các cơ quan, tổ chức do tỉnh tổ chức.

4. Nghiên cứu và phát triển: Chủ động liên kết, kết nối với tỉnh và các trường đại học, cơ quan nghiên cứu, doanh nghiệp, các chương trình, để giải quyết các bài toán đặc thù của huyện.

5. Hợp tác nhà nước doanh nghiệp

- Ứng dụng, kết nối các môi trường phát triển thị trường dữ liệu lành mạnh, an toàn và đúng pháp luật, qua đó thúc đẩy các dịch vụ dữ liệu, tạo ra thêm nhiều cơ hội việc làm cho người dân.

- Ứng dụng công cụ thu thập, phân tích dữ liệu sử dụng chung để hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn huyện.

6. Hợp tác quốc tế

- Tăng cường các hoạt động hợp tác quốc tế để học hỏi kinh nghiệm quản lý, quản trị dữ liệu, khai thác sử dụng dữ liệu, trao đổi dữ liệu xuyên biên giới; chia sẻ, trao đổi một số (loại) dữ liệu trong phạm vi khuôn khổ pháp luật cho phép với các nước trong một số lĩnh vực mà hai bên cùng quan tâm và có nhu cầu.

- Mời các chuyên gia về dữ liệu tham gia tư vấn, nghiên cứu, đào tạo về dữ liệu và quản trị dữ liệu.

7. Đo lường, giám sát, đánh giá triển khai: Định kỳ hàng năm công bố kết quả chỉ số đánh giá về phát triển dữ liệu cùng với bộ chỉ số chuyên đổi số, làm cơ sở để theo dõi, đôn đốc, xếp hạng về mức độ phát triển dữ liệu, kết quả thực hiện Kế hoạch của các cơ quan, ban, ngành, địa phương.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành, vốn lồng ghép và các nguồn vốn hợp pháp khác (nếu có).

2. Huy động các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành, đơn vị thuộc huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ chủ động phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả nội dung Kế hoạch này; báo cáo kết quả triển khai thực hiện (*lồng ghép báo cáo kết quả chuyển đổi số định kỳ*) về Ủy ban nhân dân huyện (*qua Phòng Văn hóa và Thông tin*) để tổng hợp.

2. Trung tâm Văn hóa - Thể thao - Du lịch và Truyền thông; Trang thông tin điện tử huyện: Đây mạnh công tác thông tin, tuyên truyền bằng các hình thức đa dạng, phong phú nhằm nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, cán bộ, công chức, viên chức, lao động, cộng đồng doanh nghiệp và Người dân về vai trò, tầm quan trọng của giá trị dữ liệu, phát triển, khai thác sử dụng, chia sẻ dữ liệu hiệu quả.

3. Giao Phòng Văn hóa và Thông tin: Là cơ quan đầu mối thực hiện nhiệm vụ phát triển dữ liệu, chịu trách nhiệm tham mưu các nội dung về dữ liệu cho Ủy ban nhân dân huyện, Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số của huyện; là cơ quan đầu mối quản lý, theo dõi giám sát việc khai thác sử dụng hiệu quả dữ liệu của huyện và kết nối liên thông với các cơ sở dữ liệu của tỉnh; theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn việc triển khai thực hiện Kế hoạch này; đồng thời, tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân huyện báo cáo theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 142/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân huyện yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương nghiêm túc triển khai thực hiện. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc các đơn vị, địa phương chủ động đề xuất, gửi về

Phòng Văn hóa và Thông tin để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân huyện xem xét theo quy định./.

Nơi nhận:

- Sở Thông tin và Truyền thông (b/c);
- Thường trực Huyện ủy (b/c);
- Thường trực HĐND huyện (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Các cơ quan, ban, ngành, đơn vị thuộc huyện;
- Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn;
- Trung tâm VH-TT-DL&TT;
- Trang thông tin điện tử huyện;
- Các doanh nghiệp: VNPT; Viettel; Mobifone; FPT;
- CVP, các PCVP HĐND&UBND huyện;
- Lưu: VT, TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Y Lan